

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **370/2022/DS - PT**
Ngày: 11-7-2022
V/v Tranh chấp hợp vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Kim Thúy.

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Liên Minh.

Ông Phan Nguyên Nguyên.

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Đào Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2341/2022/QĐ - PT ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989.(Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ 17.04 Chung cư 4S, Đường số 17, phường Hiệp Bình C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 178/8 Tô Hiệu, phường Hiệp T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2020; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 14/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 04/6/2019, bà Nguyễn Thị L có cho bà Trần Thị Thu H vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, thời hạn vay là 12 tháng, không tính lãi, hai bên có lập Hợp đồng vay tiền ngày 04/6/2019 và được công chứng tại Văn phòng Công chứng Tân Thuận.

Ngày 02/8/2019, bà H tiếp tục mượn 71.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền, thời gian mượn là từ 03/8/2019 đến ngày 03/10/2019; mỗi ngày trả gốc và lãi suất 1.000.000 đồng trong vòng 60 ngày. Ngày 10/8/2019, bà H vay tiếp của bà 20.000.000 đồng, số tiền này hai bên không lập thành văn bản.

Dù đã nhiều lần liên lạc, yêu cầu bà H trả số tiền đã mượn nhưng bà H vẫn không trả. Nhận thấy quyền, lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị Thu H phải trả cho bà số tiền 1.070.000.000 đồng và trả lãi theo mức lãi suất là 09%/năm thời hạn tính lãi suất từ ngày 30/9/2019 cho đến nay. Cụ thể như sau: $1.070.000.000 \text{ đồng} \times (0.75\% \times 29 \text{ tháng} \times 25 \text{ ngày}) = 231.911.507 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bà Trần Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị L là 1.301.911.507 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 1.050.000.000 đồng.

Bị đơn Bà Trần Thị Thu H: Đã được Tòa án nhân dân quận Tân P tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân quận Tân P lập biên bản hòa giải không được và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227, 228, 238, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 2; 6, 7, 7a, 7b và điều 9; 30; 31 của Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26, Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc bà Trần Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 1.301.911.507 (một tỷ, ba trăm lẻ một triệu, chín trăm mười một ngàn, năm trăm lẻ bảy) đồng (theo Hợp đồng vay tiền công chứng, chứng thực số 00010250, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2019 và Giấy cho vay tiền ngày 02/8/2019), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 51.057.345 đồng.

2.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 23.360.745 (hai mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm bốn mươi lăm) đồng theo Biên lai thu số 0070614 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 11/3/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân P có quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án số 27/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh. Kháng nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng sửa phần tuyên án số tiền bà Trần Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị L từ 1.301.911.507 (Một tỷ ba trăm lẻ một triệu, chín trăm mười một nghìn, năm trăm lẻ bảy) đồng thành 1.215.858.904 (Một tỷ hai trăm mười lăm triệu tám trăm năm mươi tám nghìn chín trăm lẻ bốn) đồng, vì tiền gốc là 1.050.000.000 đồng và tiền lãi là 165.858.904 đồng, sửa phần án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày về kháng nghị:

Giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân P đối với Bản án số 27/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng kháng nghị trên.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L: Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên yêu cầu theo như bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị Thu H: Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân P, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa bản án sơ thẩm theo hướng như Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/3/2022. Về án phí các bên phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn luật định phù hợp Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Thị Thu H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân P theo Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/3/2022 đối với Bản án số 27/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 1.070.000.000 đồng và tiền lãi là 9%/năm tính từ ngày 30/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn đã được Tòa án nhân dân quận Tân P tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, do đó cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án là đúng. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 1.050.000.000 đồng. Xét, Hợp đồng vay tiền công chứng, chứng thực số 00010250, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2019 và Giấy cho vay tiền ngày 02/8/2019, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng chưa trả, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu là có cơ sở chấp nhận, bản án sơ thẩm buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn số tiền nợ còn thiếu là là đúng.

Đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền 1.050.000.000 đồng, căn cứ vào 02 giấy vay tiền là Hợp đồng vay tiền công chứng, chứng thực số 00010250, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2019 và Giấy cho vay tiền ngày 02/8/2019, được thực hiện tại hai thời điểm khác nhau, nên số tiền lãi cũng phải tính theo thời điểm vay của từng khoản nợ gốc, cụ thể:

- Hợp đồng vay tiền ngày 04/6/2019: Số tiền vay 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 12 tháng, không tính lãi suất. Nên thời hạn tính lãi vay được tính từ ngày 05/6/2020 đến ngày xét xử 25/02/2022, là 629 ngày: Tiền lãi = $(1.000.000.000 \times 9\%) / 365 \text{ ngày} \times 629 \text{ ngày} = 155.095.890 \text{ đồng}$.

- Giấy cho vay tiền ngày 02/8/2019: Thỏa thuận thỏa thuận thời hạn vay tính từ ngày 03/8/2019 đến ngày 03/10/2019, số tiền vay 50.000.000 đồng, không tính lãi suất. Nên Thời hạn tính lãi được tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày xét xử 25/02/2022 là 873 ngày: Tiền lãi = $(50.000.000 \times 9\%) / 365 \text{ ngày} = 10.763.014 \text{ đồng}$.

Vậy tổng số tiền nợ gốc và lãi phải trả là: 1050.000.000 đồng + 155.095.890 đồng + 10.763.014 đồng = 1.215.858.904 đồng.

Như vậy bản án sơ thẩm tuyên số tiền bà H phải trả cho bà L 1.301.911.507 đồng là chưa đúng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân P. Sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận một phần theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu là: 36.000.000 đồng + $[1.215.858.904 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}] \times 3\% = 48.475.767,12 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 23.360.745 đồng theo Biên lai thu số 0070614 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 267, 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L:

Buộc bà Trần Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền tiền nợ gốc 1.050.000.000 (Một tỷ, không trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi 165.858.904 (Một trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm lẻ bốn) đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là 1.215.858.904 (Một tỷ hai trăm mười lăm triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm lẻ bốn) đồng theo Hợp đồng vay tiền công chứng, chứng thực số 00010250, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2019 và Giấy cho vay tiền ngày 02/8/2019, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị L cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị Thu H phải chịu là: 48.475.767 (Bốn mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu bảy) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 23.360.745 đồng theo Biên lai thu số 0070614 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Q. Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Kim Thúy



